

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-06-2021

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Hồng.

Hội Thẩm Nhân Dân:

1. ông Bùi Văn Ôn

2. ông Bùi Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Văn Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: ông Lê Xuân Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/03/2021 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/05/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 15/QĐST-HNGĐ ngày 14/06/2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bùi Thị T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: xóm B, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

- *Bị đơn:* Bùi Văn L, sinh năm 1994. Nơi cư trú: xóm N, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn L kết hôn với nhau tháng 12/2016 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh L không quan tâm đến gia đình. Chị T đã cố gắng rất nhiều để vun đắp cuộc sống vợ chồng nhưng không được. Hiện vợ chồng chị đã sống ly thân, không còn tình cảm và hi vọng tương lai nên chị T xin ly hôn với anh L.

2. Về con chung; Tài sản; Công nợ chung: chị T khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì thêm.

Anh L vắng mặt tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Phát biểu quan điểm tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: Anh L được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng không chấp hành, phiên tòa đã phải hoãn một lần. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh L là có cơ sở theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh L là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

Về con chung; tài sản; công nợ chung: Theo kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của chị T, anh L thì chị T, anh L không có con chung, tài sản, công nợ chung và không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác. Do vậy, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn và bị đơn Bùi Văn L có nơi cư trú tại xóm N, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của anh Bùi Văn L: Anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do đủ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thực sự có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không có sự cảm thông và chia sẻ lẫn nhau, hiện đã sống ly thân. Anh L không đến Tòa thể hiện không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng, từ bỏ quyền trình bày nguyện vọng của anh trước việc chị T xin ly hôn với anh.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh L là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

[3]. Về con chung; tài sản; công nợ chung: Theo kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của chị T, anh L thì chị T và anh L không có con chung; tài sản; công nợ chung và không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T đối với anh Bùi Văn L về việc "Ly hôn".

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn L.

2. *Về con chung; tài sản; công nợ chung:* Không có và không yêu cầu giải quyết.

3. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ dự phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005501 ngày 23/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay chị T không phải nộp án phí nữa.

4. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND xã Ân Nghĩa, h. Lạc Sơn
(Theo ĐKKH số 50 ngày 05/12/2016);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

1. Bùi Hồng Đông

2. Quách Văn Tới

Bùi Minh Kính

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hòa Bình;

- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND xã Yên Nghiệp;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Minh Kính